

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Khắc Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Lưu A, sinh năm 1975; ĐKTT: Tổ dân phố số 1, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại đội 19, phân trại 3, Trại giam X, địa chỉ: Xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lưu A trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 18-10-2005 tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Đ (nay là quận Đ), thành phố Hải Phòng. Chị và anh A chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì anh A phạm tội bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt tù chung thân về tội giết người; hiện nay anh A đang chấp hành án tại trại giam X, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian anh A chấp hành án, chị vẫn thường xuyên

đi thăm anh A và vẫn có quan hệ về tình cảm nên đã sinh thêm con là cháu Lưu Tuệ N, sinh ngày 25/01/2017. Do chị phải chịu Nền áp lực trong cuộc sống khi phải lo cho các con ăn, học nên tinh thần mệt mỏi. Nền năm nay, vì các con nên chị cố gắng chịu đựng. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là Lưu Đình Gia B, sinh ngày 24/8/2006 và Lưu Tuệ N, sinh ngày 25/01/2017. Từ khi anh A đi thi hành án, cháu B và cháu N ở với chị, có cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị làm nghề kế toán, tại Công ty TNHH thương mại xăng dầu H, có thu nhập 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định nên chị nhận nuôi cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22-7-2024, bị đơn là anh Lưu A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND phường Vạn Hương, thị xã Đồ Sơn (nay là quận Đồ Sơn), thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì anh bị xử phạt tù chung thân về tội giết người. Anh cho rằng nguyên nhân vợ anh muốn xin ly hôn với anh là do anh đang chấp hành án tại trại giam nên không đủ điều kiện chăm lo cho gia đình. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Lưu Đình Gia B, sinh ngày 24/8/2006 và Lưu Tuệ N, sinh ngày 25/01/2017. Do anh không có điều kiện nuôi con nên anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con; việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện: Chị L và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005. Từ năm 2007 đến nay, anh A chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Trong thời gian này, cháu B và cháu N ở cùng chị L, được chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Hiện nay, chị L làm kế toán, có chỗ ở và thu nhập ổn định. Cháu B và cháu N đều có nguyện vọng ở cùng chị L sau khi chị L và anh A ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của pháp luật;

Trên cơ sở phân tích nội dung vụ việc và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Lưu A; Khi ly hôn, giao con chung Lưu Đình Gia B và Lưu Tuệ

N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Lưu A, cư trú tại: Tổ dân phố 1, phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh A vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị L và anh A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã Đ (nay là quận Đ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 18-10-2005. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Từ năm 2022, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh A đã không còn hoà thuận, hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau trong cuộc sống. Từ năm 2007 đến nay, anh A đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng nên không có điều kiện chăm sóc gia đình vợ con.

Xét thấy, chị L và anh A đã không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau, làm cho hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị L và anh A có 02 con chung là Lưu Đình Gia B, sinh ngày 24/8/2006 và Lưu Tuệ N, sinh ngày 25/01/2017. Hiện tại cả hai cháu đều được chị L trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu có cuộc sống ổn định cùng chị L. Chị L có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm B điều kiện để nuôi dạy các con khi ly hôn. Anh A đang phải chấp hành án phạt tù nên không có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung và đã đồng ý giao cả hai con chung cho chị L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Chị L và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị L và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh A vắng mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lưu A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lưu A có hai con chung tên là: Lưu Đình Gia **B**, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2006 và Lưu Tuệ **N**, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2017. Khi ly hôn, giao cả hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị L và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị L và anh A có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006545 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường V, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai Hương Nguyễn Khắc Quyết

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Quyết Đình Xuân Nhuận

Vũ Trọng Đạt